TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/2019/QĐST-HNGĐ

Cờ Đỏ, ngày 28 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lý Kim N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh Trần Văn Minh L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thành Q, sinh năm 1965.

Bà Phan Thị C, sinh năm 1969.

Ông Trần Văn N, sinh năm 1967.

Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20-3-2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lý Kim N và anh Trần Văn Minh L.

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2017 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/5/2017.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lý Kim N và anh Trần Văn Minh L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Trần Lý Hữu N, sinh ngày 30-9-2018. Anh L đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

- *Về chia tài sản*: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do chị N rút yêu cầu để anh chị tự thỏa thuận phân chia.

Ông Lê Thành Q, bà Phan Thị C, ông Trần Văn N, bà Trần Thị Đ xác định không có tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất trong vụ án.

- *Về nghĩa vụ chung*: Chị N, anh L xác định không có.

- *Án phí sơ thẩm*: Chị Lý Kim N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 001325 ngày 10 tháng 01 năm 2019, chị N được nhận lại 150.000đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa. Trả lại cho chị Lý Kim N 2.625.000đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị N đã nộp theo biên lai thu số 001326 ngày 10 tháng 01 năm 2019 và 897.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 001444 ngày 18 tháng 3 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Minh Viễn